

Số: /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường cấp huyện đối với các dự án nằm trong khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3682/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam tại Văn bản số 28122/ZONGSHEN ngày 28/12/2023 về việc đề nghị cấp phép môi trường của dự án “Xưởng 02 Công ty TNHH Chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-QLTNMT ngày 24 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô 39G1, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Xưởng 02 Công ty TNHH Chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên Dự án đầu tư: Xưởng 02 Công ty TNHH Chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 04, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê xưởng số 0623/HDTX/ZS-DL ngày 19/6/2023)

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2500230213 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/11/2018.

1.4. Mã số thuế: 2500230213

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đúc sắt thép, kim loại; Sản xuất, kinh doanh, gia công và nhận gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 40.500.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng).

- Diện tích sử dụng: 6.660m² bao gồm: Nhà xưởng 5.130m², khu vực văn phòng 648m² và diện tích khu vực xung quanh nhà xưởng là 882m².

- Công suất:

+ Sản phẩm đúc sắt, thép, kim loại, gia công cơ khí, rèn, dập, ép và cán kim loại không có công đoạn xử lý và tráng phủ kim loại: 3.200.000 sản phẩm/năm.

+ Sản phẩm đúc sắt, thép, kim loại, gia công cơ khí, rèn, dập, ép và cán kim loại có công đoạn xử lý và tráng phủ kim loại (thân và nắp đồng cơ xăng): 800.000 sản phẩm/năm.

+ Phân phối bán buôn các loại hàng hóa theo quy định của pháp luật; Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu; Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật: 50 triệu USD/năm.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9852037242 chứng nhận lần đầu ngày 12/11/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 13/10/2023 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam)

- Quy mô: Dự án đầu tư nhóm III.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24 tháng 5 năm 2024 đến ngày 24 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Mê Linh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Mê Linh
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam;
- Lưu: VT, QLTMNT.

TRƯỞNG BAN

Lê Quang Long

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải với lưu lượng phát sinh tối đa 45 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt 9,4 m³/ngày đêm

+ Nước thải gia công 14,4 m³/ngày đêm

+ Nước thải bể mạ 2,8 m³/ngày đêm

+ Nước thải tách khuôn 6,1 m³/ngày đêm

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH chế tạo động cơ Zongshen Việt Nam đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của CBCNV được thu gom vào bể tự hoại rồi được bơm qua đường ống HDPE D50 vào bể tiếp nhận 04 rồi bơm vào bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất 45 m³/ngày đêm.

Nước thải từ quá trình tách khuôn qua song chắn rác được thu vào hố thu gom rồi bơm qua đường ống HDPE D32, D110 được thu gom vào bể tiếp nhận 01 của hệ thống xử lý nước thải công suất 45 m³/ngày đêm. Tần suất bơm nước thải tách khuôn về bể tiếp nhận 01: 02 lần/tuần.

Nước thải từ quá trình gia công qua song chắn rác được thu vào hố thu gom rồi bơm qua đường ống HDPE D32, D50 về bể tiếp nhận 02 hệ thống xử lý nước thải công suất 45 m³/ngày đêm. Tần suất bơm nước thải từ quá trình gia công về bể tiếp nhận 02: thường xuyên.

Nước thải từ bể mại được bơm qua đường ống HDPE D32 về bể tiếp nhận 03 của hệ thống xử lý nước thải công suất 45 m³/ngày đêm. Tần suất bơm nước thải từ bể mại về bể tiếp nhận 03: 45 ngày làm việc/lần.

Nước thải được thu gom vào hệ thống xử lý tập trung công suất 45 m³/ngày đêm, qua bể xử lý hoá lý, bể lắng hoá lý, bể điều hoà, bể anoxic, bể sinh học hiếu khí, bể lắng sinh học, bể khử trùng. Nước sau bể khử trùng đảm bảo đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải sau xử lý tự chảy qua đường ống D70 vào hố ga cuối (kích thước 500x500x500mm) rồi tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 2343722; Y = 580471 (Theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰).

1.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành hệ thống xử lý để khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường mà bơm ngược về ngăn hệ thống bể tiếp nhận và bể điều hoà để lưu chứa. Lưu lượng nước thải lớn nhất là 42,1 m³/ngày, Bể tiếp nhận (04 bể có tổng thể tích 28m³) điều hoà có thể tích 15,5 m³ nên có thể lưu được nước thải trong khoảng 01 ngày để khắc phục sự cố xảy ra. Nếu sau 01 ngày không thể khắc phục sự cố, Chủ dự án sẽ gọi đơn vị chức năng đến hút đi xử lý theo quy định và báo với cơ quan chuyên môn để khắc phục hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 08/2024 đến tháng 10/2024 (03 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí:

- Mẫu nước thải tại bể điều hoà.
- Mẫu nước sau hệ thống xử lý hóa lý 01.
- Mẫu nước sau hệ thống xử lý hóa lý 02.
- Mẫu nước thải tại hố ga cuối đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên

tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải theo đúng quy định. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Quang Minh.

3.2. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ các lò nấu phôi kim loại;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ bể mạ Crom.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải: Dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 5.000 m³/h

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 5.000 m³/h.

Tọa độ vị trí xả thải: X=2343840, Y=580497

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn (khi hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p=1$ ($P \leq 20.000m^3/h$), $K_v=0,9$ (đối với thông số: H_2SO_4); $K_v=1,0$ (đối với thông số: Nito oxit, NO_x (tính theo NO_2)). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Hơi H_2SO_4	mg/Nm ³	45		
3	Nito oxit (NO_x)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 phát sinh từ các lò nấu phôi kim loại và số 02 phát sinh từ bể mạ Crom được thu gom theo chụp hút các chụp hút đi vào ống dẫn khí Ø250 đầu nối vào hệ thống ống dẫn bằng tôn tráng kẽm dày 0,6-0,8 mm,

Ø350-750 và đi vào tháp xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 5.000 m³/h: Khí thải → Quạt hút (gồm 01 quạt, lưu lượng 10.000m³/h) → Tháp xử lý (02 sàn phun mưa, 01 lớp đệm, 01 lớp tách nước và 01 lớp than hoạt tính) → Ống thoát khí (D600 chiều cao 6,65m) → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng thực hiện.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm ra môi trường không khí và thông báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 08/2024 đến tháng 10/2024 (03 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải 5.000 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo các nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.7. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng đúc;
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng gia công.
- Nguồn số 03: Khu vực tháp làm mát (Bể nước lạnh tuần hoàn).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 1: Tọa độ X = 2343854; Y = 580522
- Vị trí nguồn số 2: Tọa độ X = 2343801; Y = 580519
- Vị trí nguồn số 3: Tọa độ X = 2343844; Y = 580508

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- 1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm

nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/tháng)
1	Bóng đèn led thải	16 01 13	5
2	Bao bì kim loại cứng nhiễm CTNH (Vỏ thùng chứa hóa chất thải)	18 01 02	100
3	Bao bì mềm chứa hóa chất	18 01 01	30
4	Bao bì nhựa cứng (vỏ thùng chứa hóa chất thải)	18 01 03	50
5	Giẻ lau, găng tay nhiễm CTNH	18 02 01	250
6	Dầu động cơ, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	80
7	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu nước	12 06 04	40
8	Hộp mực in thải	08 02 04	5
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	07 03 12	800
10	Vật liệu và vật thể mài đã qua sử dụng có chứa các thành phần nguy hại (Giấy giáp thải)	07 03 10	20
11	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	12.800
12	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hoá-lý	12 02 02	2.000
13	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	2.500
14	Nước thải lẫn dầu	07 03 04	450
15	Pin, ắc quy thải	16 01 12	15
16	Nước thải từ quá trình xử lý khí thải	12 01 02	850
17	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	795

	Tổng khối lượng	20.788
--	------------------------	---------------

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh trung bình:

TT	Tên chất thải khác	Khối lượng trung bình (kg/tháng)
1	Thùng catton	450
2	Giấy báo	120
3	Vụn kim loại, sản phẩm hỏng không chứa thành phần nguy hại	32.200
Tổng khối lượng		32.770

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình:

- Rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng: 3.731,7 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các khu vực phát sinh, bố trí các thùng chứa riêng biệt, dán nhãn mã CTNH theo quy định, gồm 15 thùng chứa dung tích 120 lít và 10 thùng phi 200 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa/khu vực kho lưu chứa: 20m², bố trí bên trong nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kho có sàn bê tông có khả năng chống thấm, không phát tán, rò rỉ; bố trí các thùng chứa riêng biệt: gồm 15 thùng chứa dung tích 120 lít và 10 thùng phi 200 lít dán mã CTNH. Kho chứa có mái che, biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực xưởng sản xuất, bố trí các xe đẩy nhôm dung tích 500 lít/xe để thu gom, phân loại rác thải. Hằng ngày sẽ thu gom rác thải từ các thùng chứa rác về kho lưu giữ rác thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 40m², bố trí bên trong nhà xưởng

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kết cấu nền lát xi măng chống thấm nước, dán nhãn phân loại theo từng loại chất thải; có cửa chống cháy, đóng kín.

2.2.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa dung tích 10 lít tại khu vực văn phòng và 06 thùng dung tích 60 lít khu vực thuận tiện sử dụng và 06 thùng chứa chuyên dụng loại 120 lít tại khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20m², bố trí cạnh khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa có mái che; nền bê tông chống thấm; trang bị thiết bị và dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, khí thải thường xuyên.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý chất thải.

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Đầu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Quang Minh.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
8. Thực hiện việc cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

